

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ  
HỢP LỰC**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Quý III/2018*

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****Quý 3 năm 2018**

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
1	2	3	4	5
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>38.518.768.602</b>	<b>66.458.069.902</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>30.206.901.203</b>	<b>43.271.729.166</b>
1. Tiền	111		30.206.901.203	43.271.729.166
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>7.740.000.000</b>	<b>22.905.369.536</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2a	22.905.369.536	22.905.369.536
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(15.165.369.536)	
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>497.693.321</b>	<b>476.074.521</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	240.000.000	15.393.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134		-	
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	257.693.321	460.681.521
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		-	
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>74.174.078</b>	<b>45.590.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	74.174.078	45.590.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158			
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.992.473.778</b>	<b>519.495.801</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>			
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6		
- Nguyên giá	222		763.317.640	763.317.640
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(763.317.640)	(763.317.640)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7		
- Nguyên giá	228		249.881.565	249.881.565
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(249.881.565)	(249.881.565)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.550.000.000</b>	
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	3.550.000.000	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư dài hạn khác	258			
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.442.473.778</b>	<b>519.495.801</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	1.442.473.778	519.495.801
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>43.511.242.380</b>	<b>67.218.259.024</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A – Nợ phải trả (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.548.319.606</b>	<b>3.307.715.486</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.548.319.606</b>	<b>3.307.715.486</b>
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	V.8	1.276.391.340	2.429.118.993
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	44.237.046	15.690.087
5. Phải trả người lao động	315		210.562.260	835.000.000
6. Chi phí phải trả	316			
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		17.128.960	27.906.406
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323			
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.962.922.774</b>	<b>63.910.543.538</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.10	<b>41.962.922.774</b>	<b>63.910.543.538</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(58.037.077.226)	(36.089.456.462)
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>43.511.242.380</b>	<b>67.218.259.024</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: Đồng

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Mã số</b>	<b>Số cuối quý</b>	<b>Số đầu năm</b>
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002		
3. Tài sản nhận ký cược		003		
4. Nợ khó đòi đã xử lý		004		
5. Ngoại tệ các loại		005		
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006		
Trong đó:				
6.1. Chứng khoán giao dịch		007		
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008		
6.3. Chứng khoán cầm cố		009		

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

6.4. Chứng khoán tạm giữ	010	
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	011	
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012	
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	013	
6.8. Chứng khoán kỹ quỹ đảm bảo khoản vay	014	
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015	
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020	
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032	
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	
9.1. Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	
9.2. Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042	
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2018

Phạm Thị Ngọc Hà  
Người lập biểu

Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng



Lã Quý Hiền CT  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý III Năm 2018

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5		
1. Doanh thu	01					
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10= 01-02)	10					
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11					
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20					
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	632.193	24.390.870	7.825.164	66.379.871
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	273.000		15.166.109.036	
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	VI.3	2.206.294.855	372.335.290	6.744.306.646	966.360.014
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 25}	31		(2.205.935.662)	(347.944.420)	(21.902.590.518)	(899.980.143)
10. Thu nhập khác	31					789.147.727
11. Chi phí khác	32	VI.4	836.809	34.481.023	45.030.246	904.697.738
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(836.809)	(34.481.023)	(45.030.246)	(155.550.011)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.206.772.471)	(382.425.443)	(21.947.620.764)	(1.015.530.154)
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51					
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		(2.206.772.471)	(382.425.443)	(21.947.620.764)	(1.015.530.154)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.5			(2.195)	(254)

Lập, ngày 2 tháng 10 năm 2018


Phạm Thị Ngọc Hà  
Người lập biểu

Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởngLã Quý Hiền  
Chủ tịch HĐQT

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)**Quý III năm 2018**Đơn vị tính: Đồng*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý	
			Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01			
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.632.406.258)	(219.996.360)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.402.721.818)	(304.931.439)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.843.436.637	121.614.773
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(5.330.961.688)	(440.933.859)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(9.522.653.127)</b>	<b>(844.246.885)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			789.147.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.550.000.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.825.164	66.379.871
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.542.174.836)</b>	<b>855.527.598</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(13.064.827.963)</b>	<b>11.280.713</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	43.271.729.166	9.554.788.521
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1	30.206.901.203	9.566.069.234

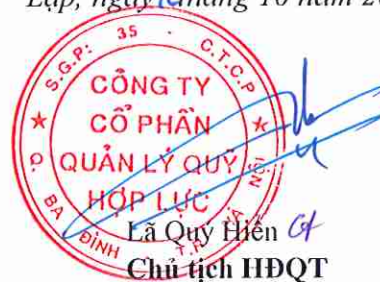
Lập, ngày 10 tháng 10 năm 2018



Phạm Thị Ngọc Hà  
Người lập biểu



Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng





## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** **Quý III cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

##### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Hợp Lực được thành lập theo Giấy phép số 35/UBCK-GP ngày 13/05/2008 do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp, giấy phép điều chỉnh lần 1 số 25/UBCK-GPĐC ngày 10/10/2008, giấy phép điều chỉnh lần 2 số 41/UBCK-GPĐC ngày 26/05/2009, giấy phép điều chỉnh lần 3 số 40/GPĐC-UBK ngày 02/07/2012, giấy phép điều chỉnh lần 4 số 47/GPĐC-UBCK ngày 04/09/2012, giấy phép điều chỉnh lần 5 số 12/GPĐC-UBCK ngày 07/12/2017, giấy phép điều chỉnh số 16/GPĐC-UBCK ngày 9/2/2018, giấy phép điều chỉnh số 43/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 6 năm 2018 .

##### **2. Lĩnh vực hoạt động**

Lĩnh vực hoạt động của Công ty là: dịch vụ.

##### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là: quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

##### **4. Tổng số nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 20 nhân viên đang làm việc.

##### **5. Đặc điểm hoạt động của công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**

##### **6. Công ty con**

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Unicap có trụ sở chính tại Tầng 14, Daeha Business Center, 360 Kim mã, P ngọc khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là tư vấn đầu tư. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 35,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

#### **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

---

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty quản lý Quỹ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng:

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

---

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 3. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa...

#### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	9

## **CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

---

### **5. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm quản lý được khấu hao trong thời gian 5 năm.

### **6. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### **7. Vốn chủ sở hữu**

#### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### **8. Ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 9. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	449.678.926	26.380.098
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.757.222.277	43.245.349.068
<b>Cộng</b>	<b><u>30.206.901.203</u></b>	<b><u>43.271.729.166</u></b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<i>Cổ phiếu</i>	22.905.369.536	7.740.000.000	(15.165.369.536)	22.905.369.536	27.255.000.000	
Công ty cổ phần						
Xây dựng FLC	22.905.369.536	7.740.000.000	(15.165.369.536)	22.905.369.536	27.255.000.000	
Faros						
<b>Cộng</b>	<b><u>22.905.369.536</u></b>	<b><u>7.740.000.000</u></b>	<b><u>(15.165.369.536)</u></b>	<b><u>22.905.369.536</u></b>	<b><u>27.255.000.000</u></b>	

#### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0108281620 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Unicap 10.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong kỳ Công ty đã đầu tư 3.550.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 3.550.000.000 VND, tương đương 35,5% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty con là 6.450.000.000 VND.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

### *Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

### *Tình hình hoạt động của công ty con*

Công ty TNHH MTV Tư vấn đầu tư Unicap hiện chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm nghiên cứu khoa học và đào tạo CK	240.000.000	
Các khoản trả trước khác		15.393.000
<b>Cộng</b>	<b><u>240.000.000</u></b>	<b><u>15.393.000</u></b>

### 4. Phải thu khác ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	7.000.000		219.738.200	
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	250.693.321		250.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>257.693.321</u></b>		<b><u>219.988.200</u></b>	

### 5. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

#### 5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	27.786.945	22.590.000
Dịch vụ điện toán đám mây	2.300.000	23.000.000
Chi phí thiết kế website	30.000.000	
Phí bảo hiểm xe ô tô	14.087.133	
<b>Cộng</b>	<b><u>74.174.078</u></b>	<b><u>45.590.000</u></b>

#### 5b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	300.498.802	507.060.000
Chi phí khác	1.141.974.976	12.435.801
<b>Cộng</b>	<b><u>1.442.473.778</u></b>	<b><u>519.495.801</u></b>

### 6. Tài sản cố định hữu hình

Là các thiết bị dụng cụ quản lý.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	763.317.640	(763.317.640)	
Tăng trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>763.317.640</u></b>	<b><u>(763.317.640)</u></b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

### 7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của công ty là phần mềm quản lý.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Hao mòn lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	249.881.565	(249.881.565)	
Tăng trong kỳ			
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>249.881.565</b>	<b>(249.881.565)</b>	

### 8. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP TM Quốc tế Biscem	74.600.000	74.600.000
CN Công ty CP QL Sân Golf Biscom - Bình Định	23.291.340	1.365.555.340
Công ty TNHH Manpower Việt Nam	478.500.000	957.000.000
CN Công ty CP Đầu tư Du thuyền và Sân Golf FLC Biscom tại tỉnh Quảng Ninh	700.000.000	
Phải trả đối tượng khác		31.963.653
<b>Cộng</b>	<b>1.276.391.340</b>	<b>2.429.118.993</b>

### 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập cá nhân	44.237.046	15.690.087
<b>Cộng</b>	<b>44.237.046</b>	<b>15.690.087</b>

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### 10a. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	TM	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối quý	
		01/01/2017	01/01/2018	Năm 2017		Năm 2018		30/09/2017	30/09/2018
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		40.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	-	40.000.000.000	100.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển		-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính		-	-	-	-	-	-	-	-
9. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối		(29.505.000.098)	(36.089.456.462)	(1.015.530.154)	-	(21.947.620.764)	-	(30.520.530.252)	(58.037.077.226)
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.494.999.902</b>	<b>63.910.543.538</b>	<b>(1.015.530.154)</b>	<b>-</b>	<b>(21.947.620.764)</b>	<b>-</b>	<b>9.479.469.748</b>	<b>41.962.922.774</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC**

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	632.193	24.390.870	7.825.164	66.379.871
<b>Cộng</b>	<b>632.193</b>	<b>24.390.870</b>	<b>7.825.164</b>	<b>66.379.871</b>

**2. Chi phí tài chính**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán			15.165.369.536	
Chi phí tài chính khác	273.000		739.500	
<b>Cộng</b>	<b>273.000</b>		<b>15.166.109.036</b>	

**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.312.737.578	253.526.137	3.773.302.764	631.310.106
Chi phí đồ dùng văn phòng	67.748.400	39.452.032	192.445.487	157.675.424
Chi phí khấu hao TSCĐ			0	51.062.500
Thuế, phí và lệ phí		-	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	824.308.877	77.534.721	2.743.958.395	65.001.484
Chi phí bằng tiền khác	1.500.000	1.822.400	31.600.000	58.310.500
<b>Cộng</b>	<b>2.206.294.855</b>	<b>372.335.290</b>	<b>6.744.306.646</b>	<b>966.360.014</b>

**4. Thu nhập khác/ Chi phí khác**

	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý TSCĐ				(789.147.727)
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán				868.062.912
Chi phí khác	836.809	34.481.023	45.030.246	36.634.826
<b>Cộng</b>	<b>836.809</b>	<b>34.481.023</b>	<b>45.030.246</b>	<b>115.550.011</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HỢP LỰC

Địa chỉ: Tầng 14, Daeha Business Center 360 Kim Mã, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 024 32191962 - Fax: 024 32191963

### 5. Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(21.947.620.764)	(1.015.530.154)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(21.947.620.764)	(1.015.530.154)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	10.000.000	4.000.000
<b>Lãi cơ bản/ lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(2.195)</b>	<b>(254)</b>



Phạm Thị Ngọc Hà  
Người lập biểu



Phạm Thị Ngọc Hà  
Kế toán trưởng

Lập, ngày 12 tháng 10 năm 2018



Chủ tịch HĐQT  
Lã Quý Hiền